

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2021
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Phó.

2. Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Châu Thị N**, sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp MH, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp MH, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Châu Thị N trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn H chung sống với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31/10/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phức đến khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên nhậu nhẹt về đánh bà, mâu thuẫn về tiền bạc và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được nên ông bà đã ly thân từ năm 2018. Đến tháng 10/2020, bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông H nhưng rút lại yêu cầu khởi kiện để vợ chồng có thời gian hàn gắn. Tuy nhiên, từ khi rút đơn khởi kiện đến nay, vợ chồng bà vẫn không hàn gắn được. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho bà ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 02 con tên Huỳnh Hữu N1, sinh năm 1995 và Huỳnh Ngọc Như Y, sinh năm 2002, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Huỳnh Văn H vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, bà N trình bày về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các vấn đề còn lại, bà vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày trước đây. Ông H thống nhất với lời trình bày của bà N về quá trình chung sống và thực trạng hôn nhân nhưng cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc và ông nghi ngờ bà N có tình cảm với người khác. Ông không đồng ý ly hôn do bà N chưa chia tài sản chung của vợ chồng. Về tài sản chung, ông trình bày có tài sản chung nhưng không nêu rõ cụ thể, yêu cầu chia đôi. Về nợ chung, ông trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Châu Thị N khởi kiện ông Huỳnh Văn H yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà N và ông H là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Châu Thị N và ông Huỳnh Văn H sống chung năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31/10/2017 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên nhậu nhẹt về đánh bà, mâu thuẫn về tiền bạc và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà N yêu cầu được ly hôn, ông H không đồng ý do bà N chưa chia tài sản chung. Nhận thấy, bà Châu Thị N và ông Huỳnh Văn H có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân từ năm 2018. Trong thời gian ly thân, bà N đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H nhưng rút lại yêu cầu để

vợ chồng có thời gian hàn gắn nhưng ông bà vẫn không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng ông H cũng vắng mặt chứng tỏ ông không có ý hàn gắn với bà N. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà N được quyền ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Có 02 con tên Huỳnh Hữu N1, sinh năm 1995 và Huỳnh Ngọc Như Y, sinh năm 2002, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H trình bày có tài sản chung nhưng không nêu rõ cụ thể, yêu cầu chia đôi. Căn cứ Điều 199, Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì “*Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý, bị đơn phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có)*”, “*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*”. Tuy nhiên quá trình tố tụng, ông H vắng mặt và đến phiên tòa ông H mới có mặt và yêu cầu chia tài sản chung nên yêu cầu của ông H không thể xem xét trong vụ án này, ông H có thể yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn theo quy định của pháp luật bằng một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét vấn đề tài sản chung của bà N, ông H trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 199, Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho bà Châu Thị N được quyền ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

2. Về án phí: Bà Châu Thị N phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0003847 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Bà N, ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Lê Huy Vũ